TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:01/2022/QĐST-DS	*Kiến Xương, ngày 16 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên họp: Ông Nguyễn Hồng Thái

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên

Ngày 16/3/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Lại Đức T, sinh năm 1995

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1978

2. Ông Lại Đức M, sinh năm 1973

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

*) Tại đơn yêu cầu, quá trình giải quyết, anh Lại Đức T trình bày:

Bố mẹ đẻ của anh là ông Lại Đức M, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1978. Ngày 16/01/1995, ông M và bà N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên). Tuy nhiên, lúc đó bà Phạm Thị N chưa tròn 17 tuổi, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 thì bà N chưa đủ tuổi để kết hôn nên bà N và ông M đều khai tăng thêm 01 tuổi để đủ tuổi kết hôn theo quy định. Cụ thể: Bà N khai sinh năm 1977, ông M khai sinh năm 1972. Thực tế, bà Phạm Thị N sinh ngày 23/5/1978, ông Lại Đức M sinh ngày 14/8/1973.

Sau khi kết hôn, bà N và ông M chuyển về sinh sống tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, trong quá trình chung sống, bà N và ông M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay xô xát và cãi vã, ông bà đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Anh thấy mâu thuẫn của bố mẹ anh ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật của bố mẹ anh là ông Lại Đức M và bà Phạm Thị N vì vi phạm độ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

Về con chung và tài sản chung của bố mẹ anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp Luật.

*) Bà Phạm Thị N trình bày:

Ngày 16/01/1995, bà và ông Lại Đức M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên). Tuy nhiên, lúc đó bà chưa tròn 17 tuổi, theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 thì bà chưa đủ tuổi để kết hôn nên bà đã khai tăng thêm 01 tuổi để đủ tuổi kết hôn theo quy định. Cụ thể: Bà (Phạm Thị N) khai sinh năm 1977, ông Lại Đức M khai sinh năm 1972. Thực tế, bà (Phạm Thị N) sinh ngày 23/5/1978, ông Lại Đức M sinh ngày 14/8/1973.

Sau khi kết hôn, bà và ông M chuyển về sinh sống tại thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, trong quá trình chung sống, ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay xô xát và cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông M đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Bà xác định mâu thuẫn của ông bà ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, vì vậy con trai bà là lại Đức T có đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông Lại Đức M thì bà nhất trí, bà muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông M.

Về con chung: Bà và ông M có 02 con chung là Lại Đức T, sinh ngày 04/12/1995 và Lại Hồng P sinh ngày 15/01/2001. Cả hai con đều đã trên 18 tuổi,

không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông M tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Ông Lại Đức M trình bày:

Ông và bà Phạm Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), tuy nhiên lúc đó bà N chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên ông và bà N đều khai tăng thêm 01 tuổi để đủ tuổi kết hôn theo quy định.

Sau khi kết hôn, ông và bà N chung sống với nhau ở tỉnh Thái Nguyên một thời gian sau đó chuyển về xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình sinh sống đến nay. Quá trình chung sống giữa ông và bà N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là bà N hay bỏ đi, không sống chung với ông, ông và bà N sống ly thân từ lâu.

Việc anh Lại Đức T yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà N thì ông không nhất trí. Ông và bà N có 02 con chung đúng như bà N đã trình bày, cả hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. tài sản chung của ông và bà Ngà ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú cung cấp thông tin như sau:

Ông Lại Đức M và bà Phạm Thị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Bắc Thái. Sau khi kết hôn, ông M và bà N chung sống với nhau ở tỉnh Thái Nguyên một thời gian sau đó chuyển về thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình sinh sống đến nay. Quá trình chung sống giữa ông M và bà N có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu thì địa phương không rõ, chỉ biết hai người sống ly thân từ lâu. Việc anh Lại Đức T yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông M và bà N có 02 con chung đúng như bà N đã trình bày, cả hai con đã trưởng thành. Tài sản của ông M và bà N địa phương không nắm được, hai người không vay nợ tổ chức, đoàn thể nào của địa phương..

*) Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán; Thư ký Tòa án; người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; điểm a Khoản 2 Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của anh Lại Đức Thành.

1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Phạm Thị N , sinh ngày 23/5/1978 và ông Lại Đức M sinh ngày 14/8/1973. Bà Phạm Thị N và ông Lại Đức M phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung và tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về lệ phí: Anh Lại Đức T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên họp giải quyết việc dân sự nhưng anh T , bà N và ông M đều xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Về nội dung:

2.1. Ông Lại Đức M , sinh ngày 14/8/1973 và bà Phạm Thị N , sinh ngày 23/5/1978 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 16/01/1995 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên). Do lúc đó bà N chưa đủ 17 tuổi nên đã khai tăng thêm 01 tuổi để đủ tuổi kết hôn theo quy định. Như vậy, khi kết hôn, bà N chưa từ 18 tuổi trở lên là đã vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi kết hôn quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Do đó, yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Lại Đức M và bà Phạm Thị N của anh Lại Đức T là có căn cứ, phù hợp với điểm a Khoản 2 Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Ông Lại Đức M và bà Phạm Thị N 02 con chung là Lại Đức T, sinh ngày 04/12/1995 và Lại Hồng P, sinh ngày 15/01/2001. Cả hai con

đều đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết;

2.3. Về tài sản chung: Ông Lại Đức M và bà Phạm Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

3. Về lệ phí: Anh Lại Đức T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 149, 367 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; điểm a Khoản 2 Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu của anh Lại Đức T:

1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Phạm Thị N, sinh ngày 23/5/1978 và ông Lại Đức M, sinh ngày 14/8/1973. Bà Phạm Thị N và ông Lại Đức M phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh Lại Đức T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển số tiền tạm ứng lệ phí anh Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001552 ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K thành lệ phí.

5. Quyền kháng cáo: Anh Lại Đức T, bà Phạm Thị N và ông Lại Đức M có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã V, huyện K; tỉnh TB.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái